TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn và bà Nguyễn Thị Thu Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: Số A, tổ F, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Thanh Q, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 01/8/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, tiền anh Q làm được chỉ tiêu xài cá nhân, thiếu sự quan tâm lo lắng cho vợ con. Mặt khác, anh Q thường chơi cờ bạc thiếu nợ nhiều người bên ngoài, chị phải trả nợ thay cho anh Q nhiều lần, ngoài ra chị có khuyên nhiều lần nhưng anh Q không chịu sửa đổi, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ

chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Trước đây, anh Q yêu cầu chị làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn rồi anh Q đến Toà án ký tên thống nhất thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, từ khi chị nộp đơn khởi kiện đến nay thì anh Q cho biết anh không đến Toà án.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 02 (hai) con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 21/10/2018 và Phạm Thị Trúc N1, sinh ngày 31/7/2020. Hiện nay cháu Yến N và cháu Trúc N1 đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thanh Q được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án để tham gia các tiến trình tố tụng của Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích C.

Tại phiên tòa:

- Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Anh Q vắng mặt tại phiên toà nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn với anh Q. Về con chung: Đề nghị giao cháu Yến N và cháu Trúc N1 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, do chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi các con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với anh Q nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Anh Q có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, chị C có mặt. Anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh Q chung sống với nhau năm 2017, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật. Xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị C trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Q không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, tiền anh Q làm được chỉ tiêu xài cá nhân, thiếu sự quan tâm lo lắng cho vợ con. Mặt khác, anh Q thường chơi cờ bạc thiếu nợ nhiều người bên ngoài, chị phải trả nợ thay cho anh Q nhiều lần, ngoài ra chị có khuyên nhiều lần nhưng anh Q không chịu sửa đổi, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Thực tế chị C và anh Q đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh chị ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay nhưng anh chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị C yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân. Từ đó cho thấy, chị C cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía anh Q những lần Toà án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà thì anh Q đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, anh Q không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của chị C.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Q. Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2023 đại diện Ban Ấ, xã B, huyện C, tỉnh An Giang cho biết quá trình chung sống chị C và anh Q có xảy ra mâu thuẫn hay không thì B ấp không biết do không trình báo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh chị đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

[2.2] *Về con chung*: Chị C và anh Q có 02 (hai) con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 21/10/2018 và Phạm Thị Trúc N1, sinh ngày 31/7/2020. Xét thấy, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu Yến N và Trúc N1. Hiện nay cháu Yến N và cháu Trúc N1 đang sống cùng với chị C. Do đó, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Yến N và cháu Trúc N1 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh Q là người không trực tiếp nuôi dưỡng các con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung. Chị C và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Q đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với anh Phạm Thanh Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 01/8/2017 cho chị Nguyễn Thị Bích C và anh Phạm Thanh Q không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích C được trực tiếp nuôi các con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 21/10/2018 và Phạm Thị Trúc N1, sinh ngày 31/7/2020. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Chị C và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Q đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005263 ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên chị C không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Thanh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến